



Luyện tập với thì Hiện tại đơn

Bài 1: Chọn từ vựng phù hợp trong khung để điền vào câu và chia động từ cho câu

wake up – open – speak – do – play – close – live – drink

VD: Ann __plays__ handball very well.

1. I never _____ coffee.
2. The swimming pool _____ at 7:00 in the morning and it _____ at 9:00 in the evening.
3. My parents _____ in a very small flat.
5. They are good students. They always _____ their homework.
6. My students _____ a little English.
7. I always _____ early in the morning.

Bài 2: Chia động từ trong ngoặc phù hợp với chủ ngữ.

1. My friend _____ (live) in London.
2. They _____ (study) English at the university.
3. We _____ (play) football every weekend.
4. She usually _____ (go) to the gym after work.
5. The cat _____ (sleep) on the sofa.
6. He _____ (like) to eat pizza.

7. I _____ (watch) a movie right now.
8. They _____ (travel) to different countries every year.
9. We _____ (have) lunch at 12 o'clock.
10. She _____ (read) a book in the park.
11. He _____ (work) as a teacher.
12. The train _____ (arrive) at 8 a.m.
13. We _____ (drink) coffee in the morning.
14. They _____ (play) the guitar very well.
15. She _____ (teach) English at the language center.



 **Số 55, Đường 3/2, P.Bắc Hồng, Hồng Lĩnh**
 **0239.656.3333 - 0946.92.23.23**
 **lasting Hồng Lĩnh**

LASTING
A lasting will, a stable future